

**Soạn Tiếng Anh 6 Unit 1: Language focus trang 10, 11 (Cánh diều)**

**A. Listen and read. Then repeat the conversation and replace the words in blue (Nghe và đọc, sau đó lặp lại đoạn hội thoại và thay thế các từ màu xanh)**



**Hướng dẫn dịch**

1.

**Stig:** Cuốn sách ưa thích của cậu là gì vậy Maya?

**Maya:** Wolf Brother ( Divergent/ The Hunger Games)

**Stig:** Đây cũng là các quyển sách ưa thích của tớ

2.

**Stig:** Chương trình truyền hình ưa thích của cậu là gì vậy?

**Maya:** Umm. ... X Factor ( The Vampire Diaries/ Glee)

**Stig:** Thật á! Đây cũng là chương trình truyền hình ưa thích của tớ

3.

**Stig:** Bộ phim ưa thích của cậu là gì vậy?

**Maya:** X-men (The Amazing Spider- Man/ Twillight)

**Stig:** Ô đó cũng là bộ phim ưa thích của tớ

4.

**Stig:** Ai là ngôi sao điện ảnh ưa thích của cậu vậy?

**Maya:** Chris Hemsworth (Scarlett Johansson/ Leonarido Dicarpio)

**Stig:** Wow! Anh ấy/ Cô ấy cũng là diễn viên ưa thích của tớ.

**B. Practice with a partner. Replace any words to make your own conversations (Thực hành với bạn cùng nhóm, thay thế các từ để có thể tạo ra đoạn hội thoại của riêng bạn)**

**Hướng dẫn làm bài**

**Example 1:**

A: What's your favorite singer?

B: Taylor Swift is my favorite singer

A: Wow! She is my favorite singer, too.

**Example 2:**

A: What is your favorite movie?

B: Along with the Gods is my favorite movie.

A: Really? It is my favorite movie, too

**Hướng dẫn dịch**

**Ví dụ 1:**

A: Ai là ca sĩ của cậu vậy?

B: Taylor Swift là ca sĩ ưa thích của tớ

A: Wow! Cô ấy cũng là ca sĩ ưa thích của tớ

**Ví dụ 2**

A: Bộ phim ưa thích của cậu là gì vậy?

B: Thử thách thần chết là bộ phim ưa thích của tớ.

A: Thật á? Nó cũng là bộ phim ưa thích của tớ

**C. Write the words in the correct columns (Viết các từ vào cột thích hợp)**

band	book
movie	movie star
singer	writer
song	TV show

**Hướng dẫn trả lời**

People (con người)	Things ( Vật)
singer (ca sĩ)	band ( ban nhạc)
movie star ( ngôi sao điện ảnh)	movie ( phim)
writer ( tác giả)	song ( bài hát)
	TV show ( chương trình truyền hình)

**D. Complete the conversations. Write the correct words. Listen and check your answers. (Hoàn thành đoạn hội thoại, viết các từ phù hợp sau đó nghe và kiểm tra đáp án của mình)**

1. **Nadine:** (1) What’s Ana’s favorite book?

**Stig:** (2)\_\_\_ favorite book is The Hunger Games.

**Nadine:** (3)\_\_\_\_\_ — — her favorite writer?

**Stig:** Suzanne Collins.

2.**Minh:** (1) \_\_\_\_\_Carl’s favorite movie star?

**Maya:** (2)\_\_\_\_\_ favorite movie star is Jennifer Lawrence.

**Minh:** Hey(3)\_\_\_\_\_ my favorite movie star, too. What’s (4) \_\_\_\_\_ favorite movie?

**Maya:** Guardians of the Galaxy.

3. **Stig:** (1)\_\_\_\_\_your favorite singer?

**Minh :** (2)\_\_\_\_\_ favorite singer is Bruno Mars.

**Stig:** What's (3) \_\_\_\_\_ favorite band?

**Minh:** The Black Eyed Peas.

**Stig:** Wow! That's (4) \_\_\_\_\_ favorite band, too!

### Hướng dẫn làm bài

1. (2) Her (3) Who's
2. (1) Who's (2) Her (3) She's (4) your
3. (1) Who's (2) My (3) your (4) my

### Hướng dẫn dịch

1.

**Nadine:** Cuốn sách ưa thích của Ana là gì vậy?

**Stig:** Cuốn sách ưa thích của cô ấy là The Hunger Games

**Nadine:** Ai là tác giả ưa thích của cô ấy vậy?

**Stig:** Suzanne Collins.

2.

**Minh:** Ai là ngôi sao điện ảnh ưa thích của Carl vậy?

**Maya:** Ngôi sao điện ảnh ưa thích của cô ấy là Jennifer Lawrence.

**Minh:** Hey! Cô ấy cũng là ngôi sao điện ảnh ưa thích của tớ đó. Bộ phim ưa thích của cô ấy là gì vậy?

**Maya:** Vệ binh giải ngân hà.

3.

**Stig:** Ai là ca sĩ ưa thích của bạn vậy?

**Minh:** Ca sĩ ưa thích của mình là Bruno Mars

**Stig:** Ai là ban nhạc ưa thích của cậu vậy?

Minh: The Black Eyed Peas

Stig: Wow! Đó cũng là ban nhạc ưa thích của tớ.

**G. Interview a famous person. Work in pairs. Student A: Imagine you are a movie star or singer. Student B: Ask your partner about his or her favorite things. (Phỏng vấn người nổi tiếng. Làm việc theo cặp. Học sinh A: Tưởng tượng bạn là một ngôi sao điện ảnh hoặc ca sĩ. Học sinh B: Hỏi bạn của mình về những thứ cô ấy/ anh ấy thích)**

### **Example**

B: Hi, Bruno Mars. What's your favorite book?

A: Divergent

B: What's your favorite movie?

B: Interstellar

### **Hướng dẫn làm bài**

B: Hi, Taylor Swift. What is your favorite book?

A: Twilight is my favorite book.

B. What is your favorite band?

A: The Black Eyed Peas is my favorite band.

### **Hướng dẫn dịch**

#### **Ví dụ 1**

B: Chào Bruno Mars. Cuốn sách ưa thích của anh là gì vậy?

A: Divergent

B: Bộ phim ưa thích của anh là gì vậy?

A: Interstellar

#### **Ví dụ 2**

B: Xin chào, Taylor Swift. Cuốn sách ưa thích của cô là gì?

A: Twilight là cuốn sách ưa thích của tôi.

B: Đâu là ban nhạc ưa thích của cậu vậy?

A: The Black Eyed Peas là ban nhạc ưa thích của mình